



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10,
Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM
Số điện thoại: (84.28) 3844 6409
Số fax: (84.28) 3848 8359
Website: www.vinafreight.com

BÁO CÁO 2022 THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

01

Thông tin chung

02

Tình hình hoạt động trong năm

03

Báo cáo và đánh giá của Ban
Tổng Giám đốc

04

Đánh giá của Hội đồng quản
trị về hoạt động của Công ty

05

Quản trị công ty

06

Báo cáo tài chính



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề kinh doanh chính
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

• Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT	• Điện thoại	(028) 3844 6409
• Tên viết tắt	Vinafreight	• Fax	(028) 3848 8359
• Tên Tiếng Anh	Vinafreight	• Email	mngt@vinafreight.com.vn
• Mã cổ phiếu	VNF	• Website	www.vinafreight.com
• Vốn điều lệ	317.158.800.000 đồng	• Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2002, thay đổi lần thứ 17 ngày 27/12/2022
• Vốn đầu tư của CSH	317.158.800.000 đồng	• Logo	
• Trụ sở chính	Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10, Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận trực thuộc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh được thành lập.

1997

Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân, gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam VIFFAS, thực hiện chiến lược phát triển thông qua việc mở rộng chi nhánh, góp vốn liên doanh, liên kết.

2002

Vinafreight góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation) với tỷ lệ góp vốn 90%; góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải Ô tô V-Truck (tỷ lệ góp vốn 9%); góp vốn thành lập Công ty TNHH Vax Global (tỷ lệ góp vốn 40%).

2004

Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng và tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ lên mức 56 tỷ đồng; thực hiện tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế lên 15 tỷ đồng.

2007

2001

Theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công ty thực hiện cổ phần hóa chuyển Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận thành Công ty Vận tải Ngoại Thương.

2003

Công ty thành lập Văn phòng Công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương), tại khu chế xuất Tân Thuận, tại Khu công nghiệp Amata (Đồng Nai); thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hà Nội, Hải Phòng; Phòng Đại lý Hãng tàu UASC. Đồng thời, Công ty góp vốn thành lập Công ty vận tải Việt-Nhật.

2005
2006

Công ty tăng vốn góp vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế từ 900 triệu đồng lên 13,5 tỷ đồng.

2008

Công ty bắt đầu cung cấp trọn gói vận chuyển cho một số khách hàng lớn từ nước ngoài. Công ty con Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế chính thức đảm nhận khai thác chuyến bay feeder hàng hóa Hồ Chí Minh, Việt Nam - Bangkok, Thái Lan. Vinafreight trở thành Công ty GSA đầu tiên của Việt Nam thực hiện thuê máy bay vận tải lớn để vận chuyển 1 máy bay trực thăng đi nước ngoài sửa chữa.

Cổ phiếu VNF chính thức được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

2011

Công ty được Bộ Giao thông Vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức. Giấy phép có thời hạn hiệu lực là 05 năm kể từ ngày cấp. Ngày 06/11/2015, Tổng cục Hải Quan cấp giấy phép công nhận Đại lý làm thủ tục Hải quan. Ngày 10/11/2015, Công ty được chỉ định làm Tổng đại lý của hãng tàu Pan Continental Shipping (Hàn Quốc).

2015

Ngày 20/05/2017, Vinafreight và phòng đại lý hãng tàu PanCon đón nhận tàu PanCon Champion từ Hàn Quốc đưa sang cảng Cát Lái để khai thác vận chuyển container tuyến Hàn Quốc - Việt Nam - Thái Lan.

2018

Công ty đạt được nhiều giải thưởng lớn và được vinh danh trong Top công ty uy tín ngành Logistics.

2020

2009

Vinafreight mở văn phòng tại Bình Dương để thực hiện các dịch vụ trọn gói cho các khách hàng lớn thuộc các khu công nghiệp ở Bình Dương. Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế được chỉ định làm đại lý cho hãng HongKong Air và khai thác máy bay Freighter của hãng Transaero.

2014

Công ty con là Công ty TNHH Vector Aviation được chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa và hành khách của Hãng hàng không Jet Airways/Ấn Độ

2017

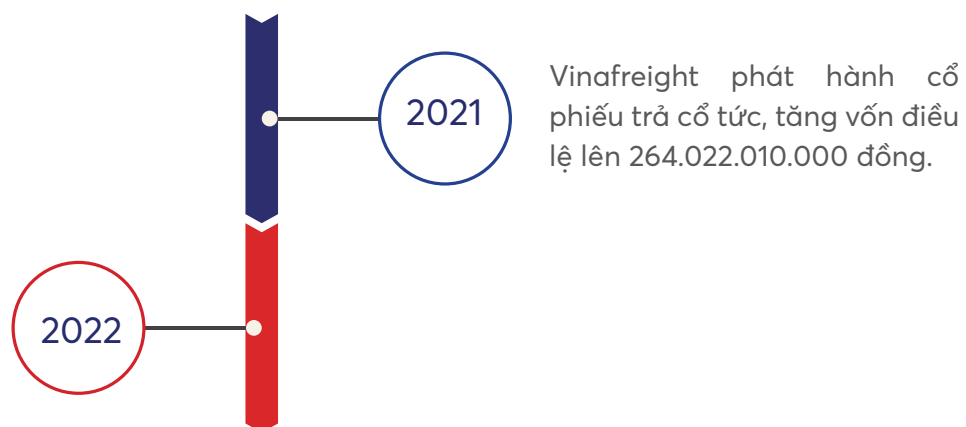
Ngày 20/05/2017, Vinafreight và phòng đại lý hãng tàu PanCon đón nhận tàu PanCon Champion từ Hàn Quốc đưa sang cảng Cát Lái để khai thác vận chuyển container tuyến Hàn Quốc - Việt Nam - Thái Lan.

2019

Địa chỉ trụ sở kinh doanh chính được thay đổi về lầu 1, Block C, tòa nhà văn phòng Waseco, số 10 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP.HCM. Công ty cũng hoàn tất thủ tục giải thể cho Công ty liên kết là Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vina.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (Tiếp theo)

Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức và theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tăng vốn điều lệ lên 317.158.800.000 đồng.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm 2014 – 2017: Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất 4 năm liên tiếp

Năm 2017:

- » Top 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận cao nhất Việt Nam
- » Top 5 Doanh nghiệp tư nhân vận tải lớn nhất Việt Nam

Năm 2020 – 2021: Vinafreight được Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với các đơn vị truyền thông đánh giá và vinh danh trong Top 10 Công ty Uy tín ngành Logistics 2 năm liên tiếp.

Năm 2013 – 2021: Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 9 năm liên tiếp do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đánh giá và xếp hạng. Năm 2021, Công ty đứng thứ hạng 265/500, tăng vượt bậc so với năm 2020 (thứ hạng 387/500).

Năm 2021: Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) tiếp tục đánh giá và xếp Công ty Cổ phần Vinafreight vào TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam với thứ hạng 441/500.

Năm 2022:

- » Top 10 Công ty uy tín ngành Logistics năm 2022 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đánh giá và xếp hạng. Công ty CP Vinafreight đã vinh dự 3 năm liên tiếp ghi danh trong bảng xếp hạng.
- » Công ty Cổ phần Vinafreight đã được vinh danh ở hạng mục “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh” (Fast Enterprise Award) do Enterprise Asia - tổ chức phi chính phủ hàng đầu Châu Á về doanh nghiệp - trao tặng.
- » Vinafreight vinh dự được lọt vào top 385 giải thưởng doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin vào năm 2022 do VietStock đánh giá.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
5229 (Chính)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Hoạt động logistics
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật). Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
5320	Chuyển phát



Các dịch vụ chính

Dịch vụ hàng không

- » Vận chuyển hàng không;
- » Vận chuyển kết hợp đường biển hàng không;
- » Dịch vụ giao hàng tận nơi;
- » Khai thuế hải quan
- » Môi giới bảo hiểm hàng hóa;
- » Dịch vụ chia lẻ hàng nhập khẩu;
- » Giám định hàng hóa.

Dịch vụ đại lý tàu biển

- » Dịch vụ đại lý hàng hải;
- » Dịch vụ quản lý, thuê tàu và môi giới hàng hải;
- » Kiểm hàng và dịch vụ tàu biển;

Dịch vụ đường biển

- » Dịch vụ hàng nguyên container và hàng lẻ toàn thế giới;
- » Dịch vụ gom hàng và chia lẻ;
- » Đại lý cho người mua hàng;
- » Khai thuế hải quan;
- » Dịch vụ xe tải;
- » Dịch vụ môi giới bảo hiểm và thẩm định hàng hóa;
- » Dịch vụ hàng dự án và triển lãm.

Dịch vụ giá trị gia tăng

- » Dịch vụ hậu cần cho quá trình xử lý hàng hóa, kho;
- » Tư vấn về các dịch vụ xuất nhập khẩu, khai quan, phương thức gửi hàng nhanh nhất với hiệu quả cao và chi phí tiết kiệm nhất.



Địa bàn kinh doanh



Vinafreight có cơ sở kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hà Nội, Hải Phòng.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có quyền quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính kế tiếp.

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

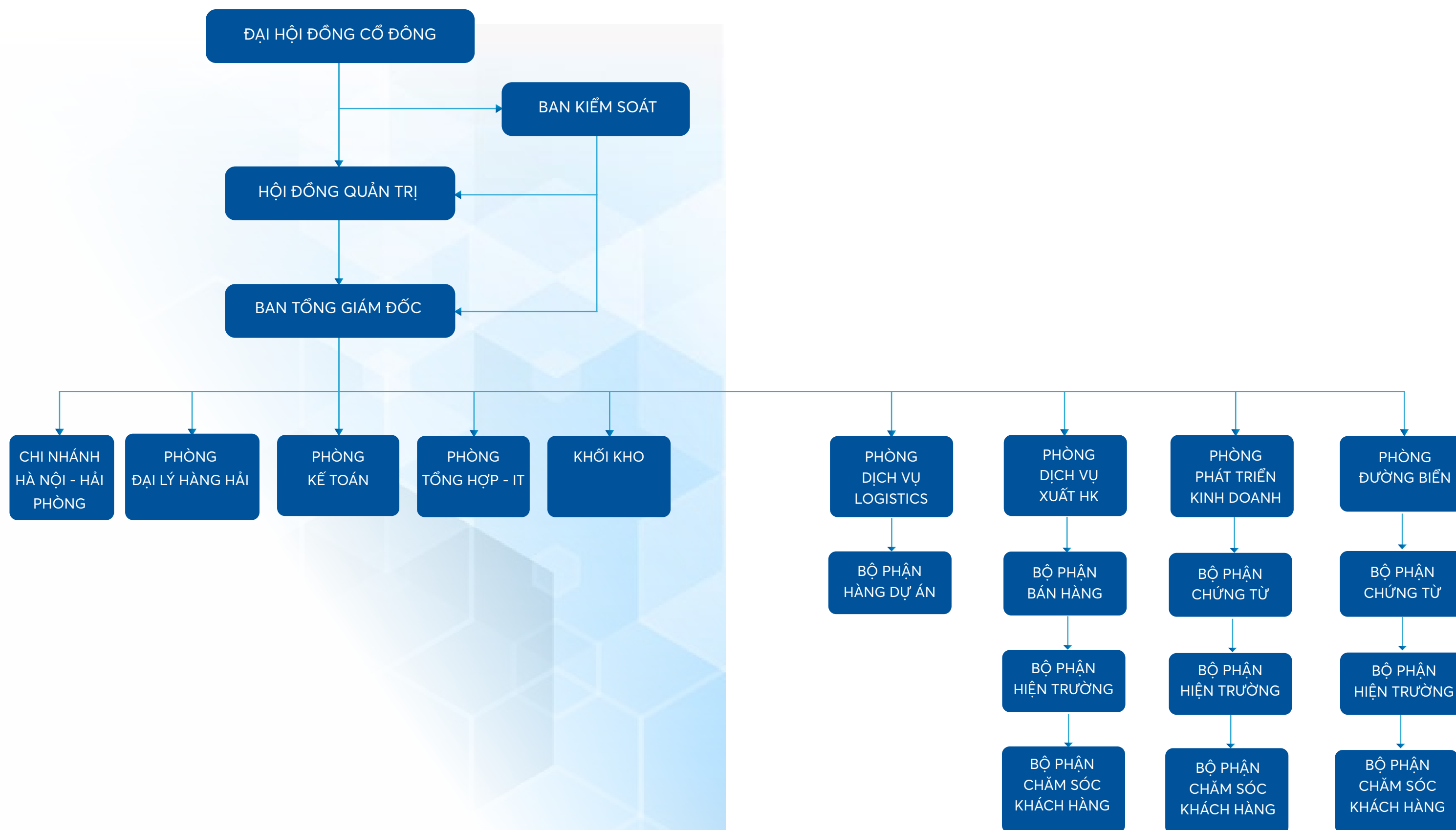
Là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông như quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ, quyết định cơ cấu, tổ chức của Công ty, quyết định việc thành lập Công ty con, chi nhánh.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Là cơ quan điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra trong từng thời kỳ, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Dịch vụ hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation)

- Địa chỉ: 39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa
- Vốn góp: 40,5 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNF: 90%

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Vietway)

- Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay
- Vốn góp: 5,62 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNF: 45,90%

Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam

- Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa
- Vốn góp: 1 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNF: 100%



Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

- Địa chỉ: 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa
- Vốn góp: 8,78 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNF: 27,89%

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)

- Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa
- Vốn góp: 43,38 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNF: 24,78%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Thăng Long

- Địa chỉ: Tổ dân phố Bưởi, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
- Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dịch vụ logistics
- Vốn góp: 48,4 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNF: 25%

Công ty Cổ phần Cảng Mipec

- Địa chỉ: Bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Vốn góp: 279,4 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNF: 20%

Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc

- Địa chỉ: Một phần Lô I.9, Đường số 5, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
- Hoạt động kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Vốn góp: 12 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của VNF: 20%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng kinh doanh

Vinafreight đã xây dựng một triết lý kinh doanh linh hoạt, tập trung vào khách hàng và áp dụng chính sách kinh doanh “Chúng ta cùng thắng”. Tư duy hoạt động của công ty luôn hướng đến khách hàng để đảm bảo sự thành công chung. Công ty luôn quan tâm đến lợi ích của khách hàng và đối tác kinh doanh từ đó tạo nền tảng để Vinafreight trở thành một công ty đầu ngành hoạt động trong lĩnh vực logistics với sự ổn định và hiệu quả.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Vinafreight duy trì phát triển ổn định hoạt động kinh doanh các dịch vụ hàng không, cùng với đó tăng cường phát triển mạnh dịch vụ đường biển cả về xuất và nhập. Tăng cường phục vụ khách hàng với dịch vụ logistics trọn gói, tập trung vào những khách hàng lớn hiện có và phát triển thêm các khách hàng mới, đồng thời đầu tư tập trung về nguồn nhân lực và nền tảng công nghệ. Tập trung vào dịch vụ Logistics nội địa do thị trường tiêu thụ trong nước vẫn nhiều tiềm năng, Công ty có khả năng cạnh tranh cao để cung cấp dịch vụ phân phối và lưu thông sản phẩm. Duy trì thể mạnh tổng đại lý hàng hóa GSA trên thị trường vận chuyển đường hàng không để khai thác thêm các khu vực thị trường mới.



- » Tiếp tục phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu bằng đường biển và hàng không
- » Nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế với thương hiệu Vinafreight
- » Vinafreight định hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, sự phát triển của Vinafreight luôn song hành với trách nhiệm và lợi ích cho xã hội. Do đó, việc đảm bảo rằng những hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng

Các mục tiêu phát triển bền vững

Vinafreight coi phát triển bền vững là mục tiêu hàng đầu của công ty. Để thực hiện mục tiêu đó Công ty cần tăng cường đầu tư thêm nguồn lực để ổn định vị trí hàng đầu trong hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics, xây dựng đội ngũ nhân viên đầy đủ kinh nghiệm và bản lĩnh kinh doanh trong tình hình cạnh tranh và hội nhập mới, qua đó đóng góp tích cực cho kinh tế và xã hội Việt Nam trên cơ sở 3 nhóm đối tượng Doanh nghiệp – Thị trường – Cộng đồng xã hội. Chúng tôi luôn chú trọng đến trách nhiệm và lợi ích mang đến cho xã hội bên cạnh lợi nhuận của Công ty. Vinafreight luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của

pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội, mang lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội và góp phần phát triển đất nước.

Hơn nữa, Vinafreight luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm. Công ty cũng tập trung vào việc nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân viên trong việc bảo vệ các nguồn tài nguyên năng lượng và nước, đồng thời kêu gọi mọi người thực hiện tiết kiệm điện và nước, cùng chung tay bảo vệ môi trường xanh và sạch.



CÁC RỦI RO KINH TẾ



Rủi ro kinh tế

Trong nửa cuối năm 2022, theo thống kê của Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) thương mại toàn cầu giảm do chịu ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraina, Trung Quốc đóng cửa chống dịch Covid-19 và giá cước vận tải quốc tế giảm mạnh đã khiến cho các doanh nghiệp trong ngành Logistics nói chung và Vinafrieght ít nhiều bị tác động. Cụ thể, doanh thu năm 2022 của Công ty bị ảnh hưởng, đặc biệt mảng vận tải quốc tế kéo theo lợi nhuận có sự sụt giảm đáng kể. Do đó, Ban lãnh đạo Vinafreight thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô, lập kế hoạch để ứng phó kịp thời với các biến động xảy ra. Đồng thời, Công ty chủ động nghiên cứu thị trường để có nhiều dịch vụ chất lượng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Rủi ro pháp luật

Hiện nay Vinafrieght đang hoạt động dưới loại hình công ty cổ phần và niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, vì vậy Công ty chịu sự quản lý của các quy định pháp luật gồm: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các quy định riêng tại Sở và các quy định có liên quan khác. Ngoài ra, ngành nghề kinh doanh của Công ty liên quan đến các hoạt động giao nhận vận tải nên Công ty cũng phải tuân thủ theo các quy định của Bộ luật Hàng Hải Việt Nam, Luật Hàng không Dân dụng, Luật Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, các quy định về thủ tục hải quan cũng như các tác động ảnh hưởng từ các chính sách định hướng và chiến lược phát triển ngành của Nhà nước. Do đó, Công ty luôn tập trung cập nhật những thay đổi, bổ sung của các văn bản pháp luật để kịp thời nắm bắt quy định, xây dựng một hệ thống quản trị, kinh doanh hiệu quả và khoa học, phù hợp quy định pháp luật ngày càng chặt chẽ và phát triển tại Việt Nam và quốc tế.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam là một trong những quốc gia có độ mở cao cho nên cạnh tranh trong ngành logistics giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước đang ngày một gia tăng. Các doanh nghiệp nước ngoài với lợi thế về vốn, đội tàu hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ, trình độ nhân lực cao và bề dày kinh nghiệm chiếm khoảng 70% thị phần – theo Hiệp hội Doanh nghiệp logistics Việt Nam, trong khi đó, bối cảnh các doanh nghiệp trong nước với hoạt động còn phân mảnh, nhỏ lẻ và thiếu liên kết, chi phí vận tải cao. Do đó, đòi hỏi sự thay đổi của các doanh nghiệp trong nước nếu không muốn để mất dần thị phần sang các đối thủ nước ngoài. Nhận thức được điều đó Ban lãnh đạo Vinafrieght đã tích cực nghiên cứu áp dụng công nghệ phù hợp, khảo sát thị trường, sử dụng những công cụ marketing nhằm định vị thương hiệu. Đồng thời, với ưu thế hiểu rõ khách hàng nội địa, Vinafreight cũng đang có nhiều cơ hội để tăng doanh thu, lợi nhuận và gia tăng năng lực cạnh tranh trong tương lai.



Rủi ro chiếm dụng vốn

Trong ngành logistics, các doanh nghiệp thường xuyên phải chi trả trước cho các đối tác hàng không và tàu biển, vì vậy Công ty phải đối mặt với rủi ro bị chiếm dụng vốn. Cho nên nhu cầu về vốn lưu động của Công ty sẽ gặp rủi ro khi có những sự cố thu tiền với các đối tác mua dịch vụ.

Vinafreight khắc phục rủi ro này bằng cách trích lập dự phòng các khoản phải thu định kỳ nhằm xác định đúng khả năng thanh toán

của khách hàng cũng như cập nhật kịp thời tình hình tài chính của Công ty để bổ sung nhu cầu vốn lưu động khi cần thiết. Đồng thời, Công ty yêu cầu khách hàng ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Từ đó, Ban lãnh đạo có biện pháp hợp lý để vừa nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ, vừa giảm thiểu tối đa rủi ro tín dụng thương mại và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tỷ giá

Do hoạt động của công ty liên quan đến xuất nhập khẩu và thường xuyên hợp tác kinh doanh với các đối tác nước ngoài, cho nên thường xuyên giao dịch bằng đồng USD. Vì vậy, khi tỷ giá có xu hướng thay đổi mạnh sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và chi phí của Vinafreight. Cụ thể, trong năm qua tỷ giá USD/VND tăng đã có tác động tiêu cực - giảm lợi nhuận đến hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ của Công ty.

Để quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá, Công ty luôn lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm giá thấp. Đồng thời, Vinafreight cũng thực hiện dự báo tỷ giá, thực hiện các hợp đồng phái sinh,...





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		%2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu cước vận tải quốc tế	4.655.255	94,92%	1.705.494	80,80%	36,64%
Doanh thu bán vé máy bay	10.158	0,21%	158.366	7,50%	1.559,03%
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	191.713	3,91%	200.622	9,51%	104,65%
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	47.015	0,96%	45.356	2,15%	96,47%
Tổng doanh thu	4.904.142	100%	2.110.666	100%	43,04%

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 đã trở lại bình thường sau giai đoạn dịch Covid 19 với tổng doanh thu ghi nhận 2.110.666 triệu đồng giảm 56,96% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu doanh thu với tỷ trọng lớn nhất vẫn ở mảng cước vận tải quốc tế, tuy nhiên mảng này có xu hướng giảm tỷ xuống còn 80,8% trong năm. Doanh thu bán vé máy bay, dịch vụ giao nhận hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác lần lượt chiếm 7,5%, 9,51% và 2,15% tỷ trọng cơ cấu.

Doanh thu cước vận tải quốc tế giảm mạnh khi chỉ còn tương đương 36,64% so với năm ngoái, nguyên nhân đến từ việc giảm sản lượng trong bối cảnh tình hình xuất nhập khẩu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, đặc biệt những tháng cuối năm 2022.

Doanh thu bán vé máy bay tăng trưởng tương đương khoảng 15 lần so với năm 2021, nguyên nhân là do nhu cầu đi lại được hồi phục sau thời gian tạm dừng các đường bay do ảnh hưởng của đại dịch Covid.

Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa đạt giá trị 200.622 triệu đồng, tương đương tăng 4,65% so với cùng kỳ năm 2021.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ, giảm 3,53% và đạt 45.356 triệu đồng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	% Thực hiện
1	Tổng doanh thu	1.850.000	2.109,8	114,04%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.000	39.970	399,7%

Năm 2022, Công ty phải đối mặt với những khó khăn từ tình hình kinh tế vĩ mô những tháng cuối năm; tuy nhiên với sự nỗ lực, tập thể Vinafreight đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch đề ra với doanh thu hợp nhất là 2.109,8 tỷ đồng và tổng lợi nhuận trước thuế 39,97 tỷ đồng lần lượt vượt 114,04% và 399,7% kế hoạch.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch
2	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
3	Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên
4	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên
5	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
6	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên
7	Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên

Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Huy Diệu	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Ông Võ Thành Đồng	Trưởng BKS
2	Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên
3	Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên

Lý lịch nhân sự



ÔNG NGUYỄN BÍCH LÂM
Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Ngoại ngữ
Quá trình công tác	:
1988 - 2001	Công tác tại CTCP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam - Vinatrans
2002 - nay	Công tác tại CTCP Vận tải Ngoại thương - Vinafreight, Thành viên HĐQT CTCP Vận tải miền Trung
2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP cảng Mipec, Thành viên HĐQT CTCP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT logistics JSC), Thành viên HĐQT CTCP Transimex.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác
- Thành viên HĐQT tại CTCP Vận tải miền Trung
 - Thành viên HĐQT tại CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
 - Thành viên HĐQT tại CTCP Cảng Mipec
 - Thành viên HĐQT tại CTCP Transimex
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay
- Sở hữu cá nhân: 292.929 cổ phần, chiếm 0,93% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:
2004 - 2009	Giám đốc điều hành - Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Hàng Hải
2004 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh vận tải Công nghệ cao
2009 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Transimex, Chủ tịch HĐQT Dịch vụ hàng hải MACS
2011 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Transimex
2012 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight
2016 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Cholimex
2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương



ÔNG LÊ DUY HIỆP
Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác
- Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Hàng Hải MACS
 - Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Transimex
 - Thành viên HĐQT tại Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)
 - Thành viên HĐQT tại Công ty CP VINAPRINT
 - Thành viên HĐQT CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay
- Sở hữu cá nhân: 30.160 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ



BÀ LÊ HOÀNG NHƯ UYÊN
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
Quá trình công tác :

2021 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Công ty Vinatrans), Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight
1996 - 2006	Nhân viên kinh doanh của phòng đại lý hãng tàu Zim – Gold Star Lines do Công ty Vinatrans làm đại lý
2003	Tổ trưởng tổ sales của hãng tàu Gold Star Lines
2007 - 2014	Phó trưởng phòng Logistics - Vận Tải Quốc tế, trực thuộc Công ty Vinatrans, Bí thư chi bộ Đảng phòng Vận Tải Quốc tế, nhiệm kỳ 2009-2018
2015 - 2021	Trưởng phòng Logistic – Vận Tải Đa Phương thức trực thuộc Công ty Vinatrans
2016 - nay	Công tác tại Vinatrans

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT tại CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)
- Thành viên HĐQT tại CTCP Giao nhận Kho vận Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)
- Thành viên HĐQT tại CTCP Giao nhận Vận tải ngoại thương (VNT Logistics)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Sở hữu cá nhân 14.622 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu 3.447.360 cổ phần, chiếm 10,87% vốn điều lệ

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Ngoại thương
Cử nhân Hóa tổng hợp

Quá trình công tác :

1993 - 1998	Nhân viên kinh doanh phòng đại lý và Môi Giới Hàng Hội, Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (Vinatrans)
1998 - 2003	Nhân viên kinh doanh, Phó trưởng phòng Vận tải Quốc tế, Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (Vinatrans)
2003 - 2004	Phụ trách phòng đại lý Zim Logistics, Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP.HCM (Vinatrans)
2004 - 2005	Trưởng Ban đào tạo Công ty TNHH TUV Rheinland Vietnam
2005 - nay	Công tác tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc-tơ Quốc tế
2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Vinafreight

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Sở hữu cá nhân: 566 cổ phiếu, chiếm 0,002% vốn điều lệ



ÔNG NGUYỄN QUANG TRUNG
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính
Quá trình công tác :

2000 - 2004	Giám đốc tài chính Olam Vietnam Ltd
2005 - 2006	Tổng Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Tân Định
2006 - 2007	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Thương Tín
2007 - 2008	Phó Tổng Giám đốc Công ty LD QLQĐT Chứng khoán VN - Vietfund Management
2009 - 2010	Tổng Giám đốc VietNam Alliance Capital
2010 - 2016	Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Phú Gia
2016 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Quản lý và phát triển Bất động sản Conasin

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT - Công ty CPTM Thủy Dương Đức Bình (nay là Công ty Đầu tư Thương mại Cộng Hòa)
- Chủ tịch Công ty Du lịch sinh thái Thanh Vân
- Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh phát triển đô thị mới An Khánh
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Khách sạn Thủy Dương VN
- Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Địa ốc Phú Long

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

Đại diện sở hữu: 4.158.944 cổ phần, chiếm 13,13% VDL

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác :

2016 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
2010 - nay	Giám đốc Tài chính CTCP Transimex
2010 - 11/2018	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Transimex
2009 - 2010	Phụ trách kế toán tại Công ty Cổ phần Transimex
2000 - 2009	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thái Hưng Thịnh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

Không



ÔNG TÔN THẤT HƯNG
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác :

05/04/2022 - nay	Công tác tại Công ty CP Transimex
12/2018 - 05/04/2022	Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Nippon Express VN
10/2011 - 12/2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Transimex
05/2011 - 09/2011	Trưởng phòng Logistics tại CTCP Tranximex - Sài Gòn
2007 - 2011	Trưởng phòng Logistics tại CTCP Giao nhận toàn cầu DHL VN
2003 - 2007	Asia Trade Manager tại Văn phòng đại diện DHL Global Forwarding

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không



ÔNG NGUYỄN HUY DIỆU
Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :

1987 - 2002	Nhân viên Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh – Vinatrans
2002 - 2008	Trưởng phòng Nhập Hàng không CTCP Vinafreight
2008 - 2017	Phó Tổng Giám đốc CTCP Vinafreight
2017 - 2020	Phó Tổng Giám đốc CTCP Vinafreight
2020 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Vinafreight
2009 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Konoike Vina

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Konoike Vina

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Sở hữu cá nhân: 22.143 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ.



ÔNG NGUYỄN ANH MINH
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác :

1998 - 1999	Nhân viên kinh doanh Công ty Liên doanh Malaya Việt Nam
1999 - 2003	Nhân viên kinh doanh, trưởng bộ phận kinh doanh Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh – Vinatrans
2003 - 2007	Phó phòng Hàng Không, Trưởng phòng sale Hàng Không Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương (nay là CTCP Vinafreight)
2007 - 2009	Trưởng phòng phân tích kinh doanh, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương (nay là CTCP Vinafreight)
2009 - 2014	Giám đốc Công ty TNHH Con đường Việt – Vietway
Năm 2019	Phó Tổng Giám đốc CTCP Transimex
2019 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Vinafreight
2020 - nay	Phó Giám đốc CTCP Vinafreight

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Sở hữu cá nhân 20.222 cổ phiếu, chiếm 0,06% vốn điều lệ



BÀ LÊ THỊ NGỌC ANH
Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
Quá trình công tác :

1997 - 1998	Công tác tại Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng mới
1998 - 2001	Công tác tại Công ty TNHH Việt Đan
2001 - 2002	Công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. HCM (Vinatrans)
2002 - 2010	Phó phòng Kế toán CTCP Vinafreight
2017 - nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Transimex
2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Logistics Vinalink
2010 - nay	Kế toán trưởng CTCP Vinafreight

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Transimex;
- Thành viên Ban kiểm soát CTCP Logistics Vinalink.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Sở hữu cá nhân: 36.304 cổ phiếu, chiếm 0,1% vốn điều lệ



ÔNG VÕ THÀNH ĐỒNG
Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn	: Quản lý nguồn nhân lực
Quá trình công tác	:
09/2009 - 04/2010	Chuyên viên tuyển dụng tại Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân
05/2010 - 11/2011	Chuyên viên tuyển dụng và đào tạo tại Công ty tài chính Cổ phần Handico (Hafie)
12/2011 - 09/2015	Phó phòng Tổ chức - Công ty Cổ phần Tập đoàn MV
05/2018 - nay	Phó phòng HCNS tại Công ty Cổ phần Transimex

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

- Sở hữu cá nhân 8.016 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.



BÀ PHAN PHƯƠNG TUYỀN
Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:
1992 - 1996	Phó Phòng Kế toán Công ty Điện tử tin học Seatic
1996 - 1997	Kế toán Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP .HCM - Vinatrans
1997 - 2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoiko Vina)
2012 - nay	Thành viên BKS CTCP Vinafreight
2016 - nay	Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoiko Vina)

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Konoike Vina
- Thành viên BKS tại CTCP Transimex
- Trưởng BKS tại CTCP Vinalink Logistics

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

- 15.208 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

2011 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần vận tải Transimex
2009 - 2011	Kế toán TH, Kế toán trưởng CTCP SXKD Nhà Hải An
2007 - 2009	Kế toán giá thành tại Công ty TNHH TM-SX Tiến Lộc
2006 - 2007	Thủ kho tại Công ty TNHH Bình Thủy Trị An

ÔNG NGUYỄN HẢI NHẬT
Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

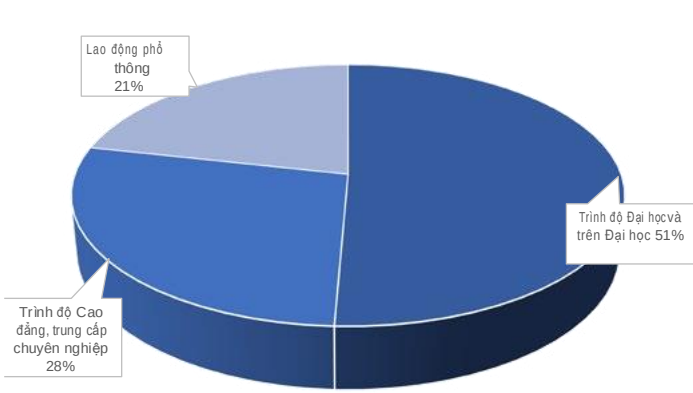
- Kế toán trưởng tại CTCP Vận tải Transimex

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không

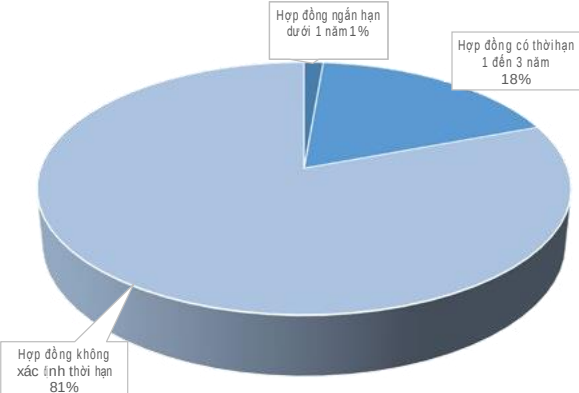


Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ chuyên môn	223	100%
1	Đại học và trên đại học	113	50,67%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	62	27,80%
3	Lao động phổ thông	48	21,52%
B	Theo giới tính	223	100%
1	Nam	116	52,02%
2	Nữ	107	47,98%
C	Theo tính chất hợp đồng lao động	223	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	3	1,35%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	40	17,94%
3	Hợp đồng không thời hạn	180	80,72%



Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn



Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng lao động

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	267	190	243	
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	9.000.000	10.000.000	11.000.000	
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.000.000	14.000.000	14.000.000	



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Vinafreight lấy người lao động làm trọng tâm, Công ty thực hiện chính sách đào tạo nhằm thúc đẩy tinh thần học tập chủ động lâu dài và lan rộng trong nội bộ Công ty. Hằng năm, Vinafreight thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho mọi cấp cán bộ công nhân viên như các khóa học về sản phẩm và dịch vụ, rèn luyện kỹ năng tư vấn cho nhân viên bán hàng; các khóa học về tin học văn phòng cho nhân viên tài chính kế toán, hành chính; khóa đào tạo chuyên sâu về quản lý doanh nghiệp cho các cán bộ quản lý,... Các khóa đào tạo thường hướng đến phát triển con người cũng như nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự và đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

Về tuyển dụng

Vinafreight đặc biệt coi trọng người tài có năng lực, có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật và sẵn sàng hợp tác. Cho nên chính sách tuyển dụng của Công ty được công khai, minh bạch, đúng trình tự với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng phù hợp từng vị trí, chức danh. Các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp rõ ràng.

Môi trường công việc

Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng tạo mọi điều kiện tốt nhất để xây dựng môi trường làm việc năng động, an toàn, thân thiện nhằm giúp đội ngũ nhân viên của mình phát huy tối đa năng lực và khả năng sáng tạo, từ đó giúp Công ty ngày một phát triển.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty luôn tuân thủ quy định của Luật Lao động và các cam kết với người lao động. Người lao động được trả lương theo cơ chế rõ ràng. Công ty đã cải tiến chính sách lương, thưởng theo hướng chú trọng việc đánh giá kết quả thực hiện công việc để trả lương nhằm nâng cao năng suất lao động của nhân viên.

Cùng với đó, Vinafreight luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của từng nhân viên. Chính sách phúc lợi của Vinafreight liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động gắn kết với nhau. Công ty luôn có khoản hỗ trợ và quà tặng cho người lao động khi có các sự kiện lễ, Tết, hiếu hỷ,... Các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe cho người lao động đều được thực hiện đầy đủ.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Năm 2022, Công ty tiếp tục hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec bằng cách mua thêm cổ phần do công ty này phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Các Công ty con, Công ty liên kết

Hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec được tiếp tục đẩy mạnh. Năm 2022, hoạt động kinh doanh của Mipec tiếp tục ổn định và phát triển.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% (+/-) 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	1.370.675	827.615	60,38%
2	Doanh thu thuần	4.895.878	2.101.666	42,93%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	118.303	39.276	33,20%
4	Lợi nhuận khác	-26	694	-
5	Lợi nhuận trước thuế	118.277	39.970	33,79%
6	Lợi nhuận sau thuế	89.196	26.002	29,15%
7	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL (%)	25%	7%	-18,00%

Trước những khó khăn kinh tế trong và ngoài nước những tháng cuối năm 2022, Công ty đã có kết quả kinh doanh khả quan nhờ sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên của Vinafreight. Cụ thể, năm 2022 doanh thu thuần ghi nhận 2.101.666 triệu đồng giảm chỉ còn 42,93% so với cùng kỳ, nguyên nhân đến từ nhu cầu giảm ở các tháng cuối năm và giá cước giảm kéo theo hoa hồng được hưởng ít đi. Đồng thời, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

và lợi nhuận trước thuế đạt 39.276 triệu đồng và 39.970 triệu đồng, giảm lần lượt 66,8% và 66,21%. Mặt khác, Công ty ghi nhận khoản đột biến từ lợi nhuận khác đạt 694 triệu đồng trong khi cùng kỳ năm trước -26 triệu đồng. Mặc dù kết quả kinh doanh có xu hướng giảm, tuy nhiên Công ty vẫn giữ được các khách hàng truyền thống có đóng góp lớn vào doanh thu

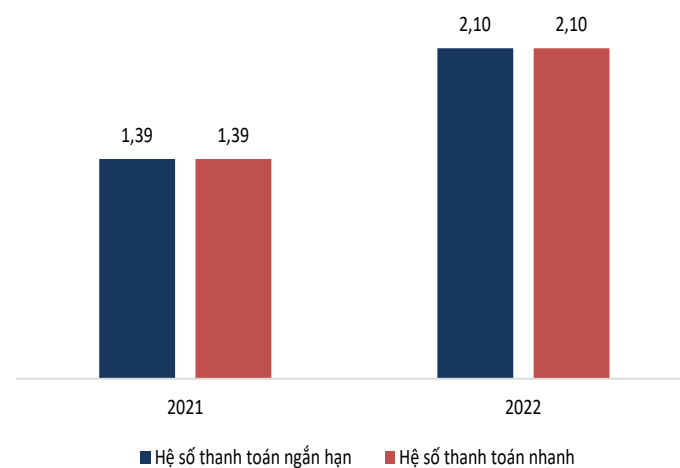


Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,39	2,1
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,39	2,1
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,79	27,29
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	126,21	37,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	4,28	1,91
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,82	1,24
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,56	4,31
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,80	2,37
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,42	1,87

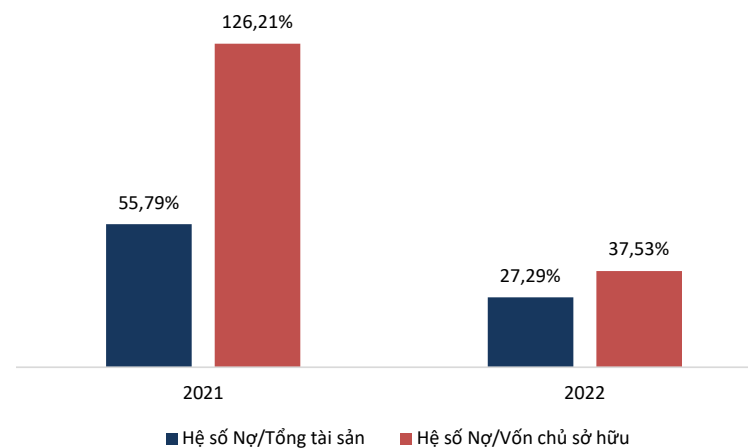
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Do Vinafreight hoạt động trong ngành dịch vụ logistics nên không có khoản mục Hàng tồn kho, vì vậy hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty ghi nhận bằng nhau. Vào thời điểm 31/12/2022 hệ số thanh toán đạt 2,1 lần cao hơn mức 1,39 lần cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu do hoạt động kinh doanh năm 2022 ổn định và không còn ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid 19, điều này giúp cho doanh nghiệp không còn áp lực về vốn lưu động nên không có nhu cầu vay thêm Nợ ngắn hạn để tài trợ. Ngoài ra, phần chiếm dụng vốn của Vinafreight ghi nhận giảm mạnh do tình hình kinh tế vĩ mô vào những tháng cuối năm khó khăn khiến nhu cầu mở rộng của Công ty bị hạn chế.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

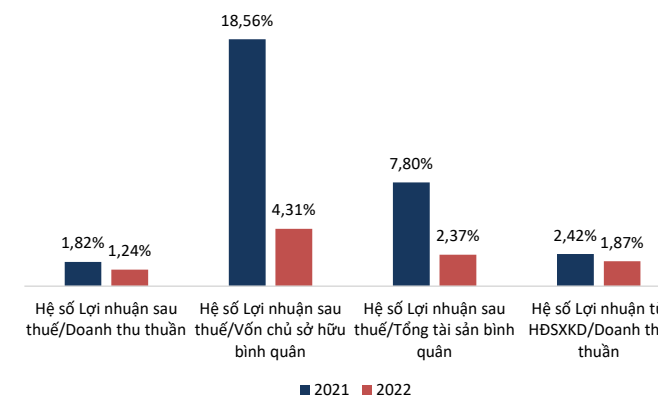
Năm 2022, hệ số nợ trên tổng tài sản của Vinafreight giảm từ mức 55,79% còn 27,29% so với cùng kỳ. Nguyên nhân cũng đến từ vấn đề nợ vay ngắn hạn của Công ty giảm mạnh. Về phần vốn chủ sở hữu của Công ty không có sự thay đổi nhiều, trong năm Công ty đã có đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

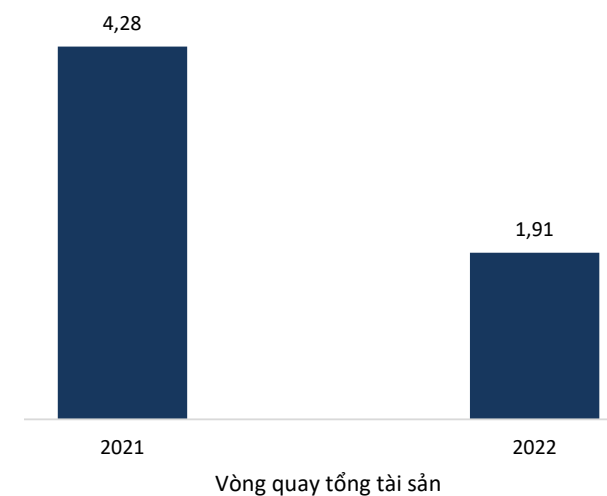
Do các nguyên nhân đến từ yếu tố vĩ mô về nhu cầu và hoa hồng được hưởng từ cước vận tải quốc tế nên các chỉ số sinh lời của Công ty trong năm 2022 đều giảm, cụ thể:

- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm từ mức 1,82% còn 1,24%.
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân giảm từ mức 18,56% còn 4,31%.
- » Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân giảm từ mức 7,80% còn 2,37%.
- » Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần giảm từ 2,42% còn 1,87%.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vinafreight kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ logistics, do đó chỉ tiêu vòng quay Hàng tồn kho của Công ty không thể tính toán. Về vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm 2022 giảm từ mức 4,28 lần còn mức 1,91 lần. Nguyên nhân do doanh thu thuần của Công ty giảm 57,07% so với cùng kỳ, điều này không đến từ việc giảm giá đầu ra và một phần nhu cầu giảm trong những tháng cuối năm.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

01

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

31.715.880

02

Số lượng cổ phiếu quỹ

15.500

03

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do

31.679.480

04

Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

36.400

05

Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

06

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm 31/12/2022

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	25.701.285	81,08%	3	3	0
1	Trong nước	-	-	-	-	-
2	Nước ngoài	25.701.285	81,08%	3	3	0
II	Cổ phiếu quỹ	15.500	0,05%	1	1	0
III	Cổ đông khác	5.999.095	18,88%	556	22	534
1	Trong nước	5.892.505	18,59%	538	15	523
2	Nước ngoài	106.560	0,29%	18	7	11
Tổng cộng		31.715.880	100%	560	22	534

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: **49%** (Theo Công văn số 9100/UBCK-PTTT ngày 31/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Công ty Cổ phần Transimex	172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	18.094.981	57,08%
2	Công ty Cổ phần Quản Lý và Phát triển Bất động sản Conasi	58 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q1, TpHCM	4.158.944	13,12%
3	Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)	406 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM	3.447.360	10,89%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

ĐVT: Triệu đồng

Thời điểm	VĐL trước phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành
2007	27.000	29.000	56.000	Phát hành cổ phiếu
2018	56.000	27.922	83.922	Phát hành cổ phiếu
04/2021	83.922,5	167.535	251.457,5	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
11/2021	251.457,5	12.564,51	264.022,01	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
09/2022	264.022	52.773	316.795	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
12/2022	316.795	364	317.158	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn NLĐ

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Giao dịch chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Trong hoạt động kinh doanh của Vinafreight tuy ít có tác động nhiều đến môi trường nhưng Công ty luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như sử dụng vật liệu đóng gói có thể tái chế, giảm thiểu rác thải, nhiên liệu,... trong lúc vận hành doanh nghiệp. Cùng với đó, Ban lãnh đạo Công ty tích cực tuyên truyền cho toàn thể cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, vì vậy nguyên vật liệu chủ yếu là xăng, dầu, điện phục vụ cho các hoạt động văn phòng, đi lại. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu khá đa dạng và dễ dàng tìm kiếm nên Vinafreight có nhiều có hội để chọn lựa nhà cung cấp uy tín, đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho hoạt động của Công ty. Ngoài ra, các nguyên liệu nhỏ khác như giấy, bìa carton, nhãn in mã vạch,... phục vụ cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa đều có thể tái chế để giảm thiểu rác thải ra môi trường.

Tiêu thụ năng lượng

Vinafreight hoạt động trong lĩnh vực logistics, vì vậy việc tiết kiệm năng lượng không chỉ giảm thiểu chi phí hoạt động văn phòng cho Công ty mà còn giúp giảm các tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Công ty luôn muốn góp phần giảm tác động tiêu cực của việc sử dụng năng lượng bằng những biện pháp thiết thực như tổ chức các hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ, khuyến khích người lao động sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn năng lượng, hướng Công ty đến sự phát triển bền vững.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hướng đến hình ảnh thân thiện với môi trường, hướng ứng xu hướng quản trị xanh và phát triển doanh nghiệp một cách bền vững về mọi mặt, trong năm 2022, Vinafreight đã luôn chấp hành các cam kết và các quy định pháp luật về công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty luôn có những tuyên truyền, khuyến khích người lao động có ý thức và trách nhiệm tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường xung quanh.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng người lao động:

Mức lương trung bình trong năm:

Vinafreight vẫn luôn cố gắng đảm bảo được thu nhập và việc làm cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng áp dụng các giải pháp khuyến khích người lao động làm việc chuyên cần, tăng năng suất. Đồng thời, Công ty luôn tạo động lực làm việc cho nhân viên bằng cách tiếp tục duy trì các chính sách nâng lương, thưởng thành tích, thăng cấp,...

Vinafreight luôn hướng đến việc mở rộng cơ hội để nhân viên thể hiện, khẳng định bản thân để vươn đến những vị trí cao hơn trong lộ trình nghề nghiệp, Công ty thường xuyên tổ

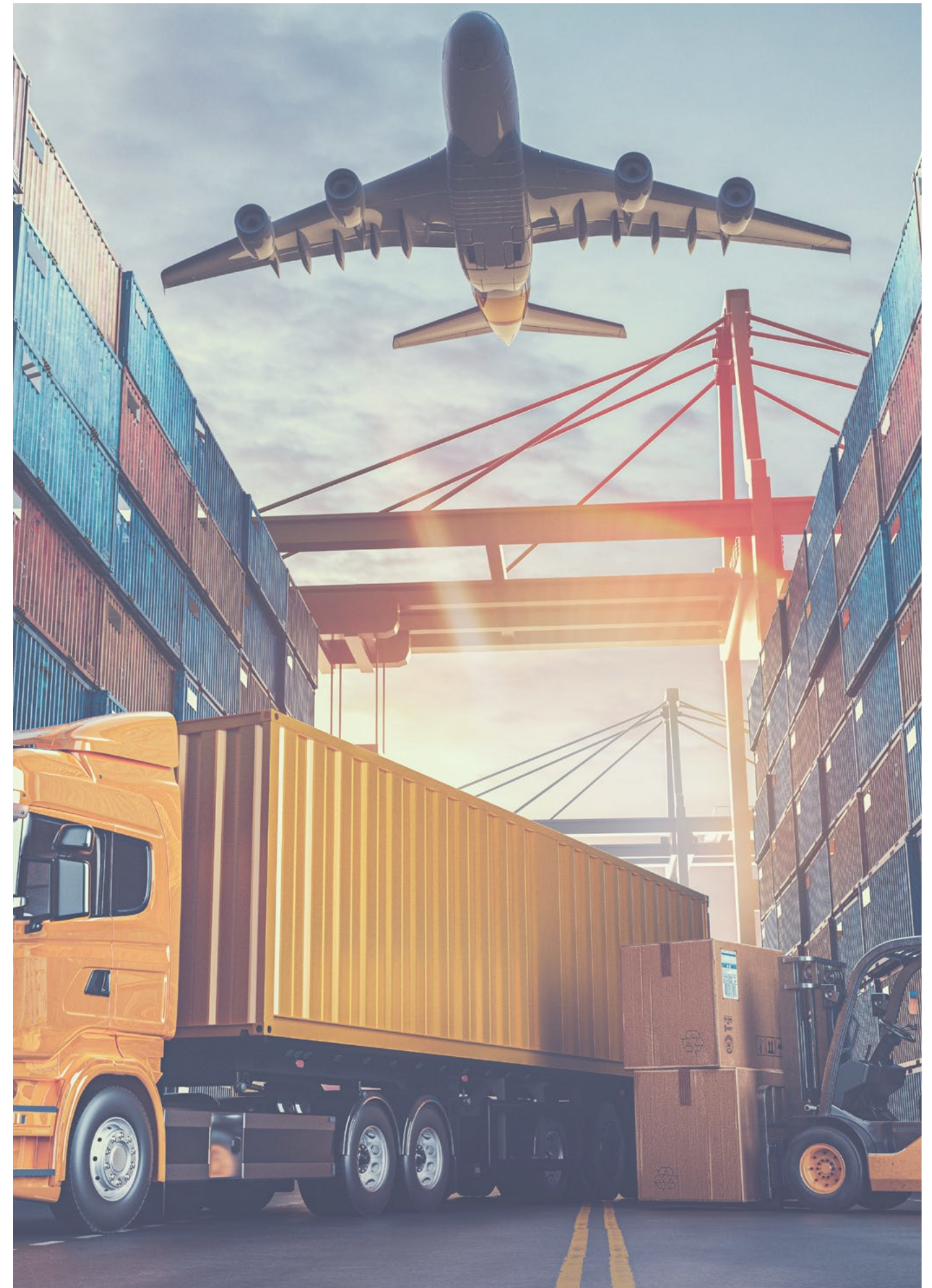
chức các chương trình huấn luyện để phát triển kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn. Định kỳ, Vinafreight tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe nhằm tạo môi trường làm việc năng động và đảm bảo an toàn cho nhân viên. Công tác tiền lương, thưởng được Công ty thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật. Ngoài ra, Vinafreight còn tổ chức các đợt tham quan, du lịch để người lao động được thư giãn, tái tạo năng lượng, tạo không khí vui vẻ và tăng sự gắn kết giữa các nhân viên trong Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Thành công của Vinafreight có được nhờ một phần sự ủng hộ, tin tưởng của cộng đồng. Không chỉ hướng đến kinh doanh tạo ra lợi nhuận, Công ty còn có hoạt động bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, tham gia hỗ trợ người dân trong các đợt thiên tai nặng nề,... Vinafreight tin rằng thực hiện trách nhiệm với xã hội sẽ mang đến thay đổi tích cực và lâu dài cho cộng đồng góp phần cho sự phát triển bền vững của Công ty, của đất nước. Từ đó, cả cộng đồng, trong đó có Vinafreight sẽ cùng phát triển bền vững và vươn đến sự thịnh vượng.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Vinafreight rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những thuận lợi và khó khăn trong năm

Thuận lợi	Khó khăn
» Tình hình hoạt động kinh doanh các dịch vụ logistics quay trở lại bình thường sau thời gian giãn cách từ cuối năm 2021. » Nhân sự trong công ty tương đối ổn định, không có sự thay đổi đáng kể nào tính từ đầu năm. » Tuy năm ngoài điều kiện kinh doanh không thuận lợi, nhưng Công ty vẫn giữ được những khách hàng thân thiết có truyền thống lâu năm.	» Bối cảnh vĩ mô trong và ngoài nước tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức cho ngành dịch vụ logistics. » Cạnh tranh gia tăng khi xu hướng đấu thầu toàn cầu làm cho những khách hàng lớn có nhiều lựa chọn hơn trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ logistics. » Còn tồn đọng nhiều đại lý toàn cầu hoạt động chưa hiệu quả và khả năng phục hồi sau đại dịch chưa được cải thiện hoàn toàn. » Vào giai đoạn cuối năm 2022 nhu cầu hàng hóa giảm mạnh kéo theo hoạt động logistics của Công ty bị tác động tiêu cực về mặt doanh thu và lợi nhuận.

Những tiến bộ mà Công ty đạt được

- » Đảm bảo tương đối ổn định nhân sự trong năm của Công ty.
- » Duy trì mối quan hệ lâu dài với các đối tác truyền thống lâu năm, từ đó ổn định doanh thu và lợi nhuận.
- » Tuy những tháng cuối năm 2022 Công ty phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không hề nhỏ, nhưng với sự nỗ lực của toàn bộ người lao động Vinafreight đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch đề ra.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% (+/-) 2021/2020	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	1.057.398	460.087	43,51%	77,14%	55,59%
Tài sản dài hạn	313.277	367.528	117,32%	22,86%	44,41%
Tổng tài sản	1.370.675	827.615	60,38%	100%	100%

Năm 2022, tổng tài sản hợp nhất của Vinafreight ghi nhận 827.615 triệu đồng giảm khoảng 39,62% so với cùng kỳ. Tài sản dài hạn có xu hướng gia tăng tỷ trọng trong cơ cấu tài sản của Công ty, cụ thể tài sản dài hạn đạt 367.528 triệu đồng chiếm 44,41% cao hơn mức 22,86% cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do Vinafreight tập trung đầu tư dài hạn bằng cách mua cổ phần CTCP Cảng Mipec. Ngoài ra tài sản ngắn hạn của Công ty ghi nhận 460.087 triệu đồng, tỷ trọng giảm từ mức 77,14% về mức 55,59% cùng kỳ, nguyên nhân do Công ty hạn chế vay nợ ngắn hạn và giảm lượng khoản phải thu lớn trong bối cảnh vĩ mô tiềm ẩn rủi ro vào những tháng cuối năm.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% (+/-) 2022/2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	758.551	219.489	28,94%	99,19%	97,18%
Nợ dài hạn	6.200	6.378	102,87%	0,81%	2,82%
Tổng nợ phải trả	764.751	225.867	29,53%	100%	100%

Tổng nợ phải trả của Vinafreight tính đến thời điểm 31/12/2022 ghi nhận giá trị 225.867 triệu đồng giảm 70,47% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu Nợ phải trả của Vinafreight chiếm phần lớn là nợ ngắn hạn với hơn 97,18%, năm 2022 khoản mục này ghi nhận giá trị 219.489 triệu đồng, giảm 71,06% so với đầu năm.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2022, Công ty đã tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý bằng cách tiến hành rà soát và đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, chuẩn hóa cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, thiết kế hệ thống các vị trí công việc theo xu hướng của thị trường. Vinafreight đã tăng cường công tác quản lý và sử dụng nguồn nhân lực

một cách hợp lý, đồng thời quan tâm đặc biệt đến việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

Công ty cũng khẩn trương nâng cao năng lực quản trị bằng cách thực hiện các báo cáo và điều chỉnh chính sách phù hợp kịp thời, cắt giảm lãng phí và nâng cao năng suất.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu	955 tỷ đồng
2	Lợi nhuận	52,4 tỷ đồng
3	Chia cổ tức	7%

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Bảo vệ môi trường không chỉ đơn thuần là trách nhiệm xã hội mà còn là một yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu của Công ty. Vì vậy, Vinafreight luôn tuân thủ một cách nghiêm ngặt các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên như nước và điện để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Các hoạt động bảo vệ môi trường của Vinafreight bao gồm việc giám sát các hoạt động kinh doanh,

vận chuyển và xử lý rác thải để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường để giảm thiểu tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường. Vinafreight cam kết thực hiện các hoạt động kinh doanh một cách bền vững và đảm bảo an toàn cho môi trường, giúp cải thiện chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường cho thế hệ tương lai.

Đánh giá liên quan đến người lao động

Để xây dựng được một tập thể Vinafreight vững mạnh, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng nhân tài phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Toàn bộ người lao động trong Công ty đều được ký hợp đồng lao động

và được hưởng các chế độ bảo hiểm đầy đủ. Sức khỏe, an toàn lao động của người lao động cũng được Công ty quan tâm thông qua các chương trình khám sức khỏe, phổ biến quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy định kỳ.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với xã hội đang ngày càng trở thành xu hướng của các công ty đại chúng trong chiến lược phát triển bền vững, Vinafreight luôn mong muốn mang đến giá trị tích cực cho cộng đồng và xã hội với các chương trình thiện nguyện

như tuyên truyền chương trình hiến máu nhân đạo, tổ chức bữa cơm từ thiện tại các bệnh viện, đi thăm và phát quà trung thu, quà tết cho các trẻ em nghèo.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về kết quả kinh doanh

Năm 2022, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trở lại bình thường sau đại dịch Covid 19. Vinafreight duy trì ổn định doanh thu và lợi nhuận trong bối cảnh nhu cầu có sự sụt giảm mạnh vào cuối năm khi tình hình vĩ mô trong và ngoài nước khó khăn, tiềm ẩn nhiều thách thức. Ban điều hành và toàn bộ người lao động của Công ty đã cùng nhau nỗ lực để đạt được kết quả kinh doanh xuất sắc vượt qua kế hoạch đề ra.



Công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp

Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2022 đã có nhiều cố gắng, chủ động giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều Lệ và theo pháp luật, HĐQT đã thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong các mặt hoạt động, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính.

Công tác đầu tư xây dựng

Ngoài việc đầu tư gián tiếp thông qua mua cổ phiếu của CTCP Cảng Mippec, Vinafreight cũng đang tập trung vào đầu tư vào kho lạnh để mở rộng quy mô kinh doanh. Việc đầu tư này sẽ giúp Công ty phục vụ khách hàng một cách tốt hơn trong việc vận chuyển và lưu trữ hàng hóa có đòi hỏi nhiệt độ đặc biệt, đặc biệt là các mặt hàng khó bảo quản. Đầu tư vào kho lạnh sẽ giúp Vinafreight tăng cường khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ logistics, đồng thời mở rộng phạm vi kinh doanh và tăng doanh thu. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng và trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và đạt được các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng cao nhất trong việc lưu trữ và vận chuyển hàng hóa.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2022, HĐQT thảo luận và đề ra biện pháp lãnh đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022, Ban Tổng Giám đốc chủ động và kịp thời ứng phó với những

biến động kinh tế trên thế giới và Việt Nam, cố gắng giảm thiểu những tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty, kịp thời điều chỉnh các phương hướng kinh doanh phù hợp nhằm thích ứng xu thế mới, đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, thể hiện qua các mặt cụ thể như sau:

Tổng doanh thu: 2.109,84 tỷ (114,04% kế hoạch)

Lợi nhuận trước thuế: 39,97 tỷ (399,70% kế hoạch)

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với tình hình kinh tế vĩ mô thế giới và Việt Nam có nhiều biến động phức tạp, cùng với những kế hoạch sản xuất kinh doanh mà HĐQT định hướng giai đoạn 2021-2025. Căn cứ vào đó, HĐQT đã đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và những phương hướng điều hành như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm 2023

Vào những tháng cuối năm 2022, tình hình thương mại toàn cầu giảm tốc, thêm vào đó với tình hình bất ổn của kinh tế thế giới sẽ có khả năng gây ra những khó khăn cho Vinafreight trong năm 2023. Vì vậy sau khi cân nhắc và tính toán, HĐQT đã đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

Doanh thu:

955 tỷ

Lợi nhuận:

52,4 tỷ

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch
2	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
3	Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên
4	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên
5	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
6	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên
7	Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên

Lý lịch Hội đồng quản trị

Xem thông tin Chương 2 - Mục 2 - Nhân sự

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	21.04.2022	
2	Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT	21.04.2022	
3	Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	21.04.2022	
4	Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên HĐQT		21.04.2022
5	Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT		21.04.2022
6	Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT		21.04.2022
7	Tôn Thất Hưng	Thành viên HĐQT		21.04.2022

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2022, HĐQT đã có những công tác giám sát sau:

- » Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc chủ động và kịp thời ứng phó với những biến động bất thường của tình hình kinh tế trong nước và thế giới nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty.
- » Theo dõi và linh hoạt điều chỉnh các phương hướng kinh doanh phù hợp nhằm thích ứng xu thế mới, đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.
- » Theo dõi, giám sát đảm bảo thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Ngoài ra, khi cần thiết HĐQT còn tổ chức họp bất thường và thường xuyên trao đổi thông tin cho nhau để cùng bàn và quyết định những yêu cầu, nội dung quan trọng đối với hoạt động của Công ty. Tất cả các phiên họp HĐQT đều có Nghị quyết cho từng nội dung cụ thể.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Bích Lâm	23	23/23	
2	Ông Lê Duy Hiệp	5	5/23	Miễn nhiệm từ ngày 22/04/2021
3	Ông Chu Việt Cường	5	5/23	Kết thúc nhiệm kỳ 2017 -2022 và không tái ứng cử
4	Ông Nguyễn Huy Diệu	5	5/23	Kết thúc nhiệm kỳ 2017 -2022 và không tái ứng cử
5	Ông Nguyễn Anh Minh	5	5/23	Kết thúc nhiệm kỳ 2017 -2022 và không tái ứng cử
6	Bà Lê Hoàng Như Uyên	23	23/23	
7	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	18	18/23	Vừa đắc cử nhiệm kỳ 2022 – 2027 vào ngày 21.04.2022
8	Ông Nguyễn Quang Trung	18	18/23	Vừa đắc cử nhiệm kỳ 2022 – 2027 vào ngày 21.04.2022
9	Ông Lê Văn Hùng	18	18/23	Vừa đắc cử nhiệm kỳ 2022 – 2027 vào ngày 21.04.2022
10	Ông Tôn Thất Hưng	18	18/23	Vừa đắc cử nhiệm kỳ 2022 – 2027 vào ngày 21.04.2022

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 23 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-22/NQ-HĐQT	20.01.2022	Thông qua việc ban hành Quy chế Kiểm toán Công ty
2	02-22/NQ-HĐQT	20.01.2022	Thông qua việc sửa chữa Kho 196 Tôn Thất Thuyết để mở rộng kinh doanh
3	03-22/NQ-HĐQT	26.02.2022	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông tham gia ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức
4	04-22/NQ-HĐQT	14.03.2022	Thông qua nội dung sửa chữa Kho 196 Tôn Thất Thuyết, chọn đơn vị thi công và giá trị hợp đồng.
5	05-22/NQ-HĐQT	31.03.2022	Thông qua lại các Báo cáo và Tờ trình sẽ được trình bày tại ĐHĐCĐ thường niên 2022
6	06-22/NQ-HĐQT	21.04.2022	HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 họp phiên họp đầu tiên và bầu ông Nguyễn Bích Lâm làm Chủ tịch HĐQT
7	07-22/NQ-HĐQT	03.06.2022	Thông qua nội dung chi trả cổ tức 2021 bằng tiền mặt (tỷ lệ chi trả, ngày ĐKCC, thời gian chi trả)
8	08-22/NQ-HĐQT	24.06.2022	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty niên độ 2022.
9	09-22/NQ-HĐQT	11.07.2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.
10	10-22/NQ-HĐQT	11.07.2022	Thông qua tiêu chuẩn và Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động; Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng
11	11-22/NQ-HĐQT	11.07.2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
12	12-22/NQ-HĐQT	11.07.2022	Thành lập Ban kiểm phiếu bổ sung kiểm phiếu nhằm thực hiện tách sổ phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền lợi liên quan đến nội dung biểu quyết tại phiên họp ĐHĐCĐ năm 2022 về việc Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
13	13-22/NQ-HĐQT	27.07.2022	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021
14	14-22/NQ-HĐQT	29.07.2022	Tái bổ nhiệm ông Nguyễn Huy Diệu, Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm, tiếp tục giữ chức Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/08/2022 đến hết ngày 31/12/2022.
15	15-22/NQ-HĐQT	23.08.2022	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông Công ty cổ phần Vinafreight để thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và nội dung xin ý kiến bằng văn bản
16	16-22/NQ-HĐQT	06.09.2022	Thông qua việc điều chỉnh Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
17	17-22/NQ-HĐQT	06.09.2022	Thông qua việc xác định Tiêu chuẩn và Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động; Thông qua nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng.
18	18-22/NQ-HĐQT	08.09.2022	Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ, thông qua thay đổi Điều lệ Công ty, thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định của pháp luật hiện hành
19	19-22/NQ-HĐQT	09.09.2022	Thông qua việc thực hiện quyền mua cổ phiếu của CTCP Cảng Mipec theo Phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được Đại hội đồng cổ đông bất thường CTCP Cảng Mipec thông qua ngày 23/08/2022.
20	20-22/NQ-HĐQT	04.11.2022	Thông qua việc mua thêm cổ phiếu của CTCP Cảng Mipec được phân phối thêm sau khi doanh nghiệp này chào bán không hết

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
21	21-22/NQ-HĐQT	07.12.2022	Thông báo kết quả phát hành cổ phiếu ESOP và không tiếp tục phân phối số cổ phiếu còn lại chưa thực hiện quyền mua
22	22-22/NQ-HĐQT	08.12.2022	Thông qua việc tái bổ nhiệm nhân sự Tổng giám đốc
23	23-22/NQ-HĐQT	22.12.2022	Thông qua việc tăng vốn Điều lệ, thay đổi Điều, đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung
24	24-22/NQ-HĐQT	28.12.2022	Thông qua việc tái bổ nhiệm nhân sự Phó Tổng giám đốc

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm vừa qua công khai, minh bạch.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá Hội đồng quản trị năm 2022 đã có những nỗ lực hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quyết định hiện hành.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Trong thời gian tới, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Điều hành của Công ty sẽ tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận (nếu có). Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn theo dõi và cập nhật những quy định liên quan đến quản trị công ty cũng như tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty của cơ quan quản lý.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Ông Võ Thành Đồng	Trưởng BKS
2	Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên
3	Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên

Danh sách thay đổi thành viên BKS

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Văn Hùng	Trưởng BKS		21.04.2022
2	Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên BKS		21.04.2022
3	Nguyễn Thành Nhật	Thành viên BKS	21.04.2022	
4	Võ Thành Đồng	Thành viên BKS	21.04.2022	

Hoạt động của BKS

- » Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
- » Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- » Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong kỳ, giám sát việc đầu tư góp vốn của Công ty;
- » Kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp để kiểm soát tốt chi phí và tuân thủ sát các quy định mới ban hành của Bộ Tài chính

Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và Ban quản lý Công ty trong năm 2022:

Các nội dung của Nghị quyết HĐQT được thông qua tại phiên họp hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản đúng theo Quy định tại điều lệ Công ty và văn bản pháp luật.

HĐQT và Ban điều hành đã triển khai nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 và các công tác khác theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Với sự chỉ đạo của HĐQT, cùng với sự linh hoạt, tích cực trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ 2022 giao.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2022:

Năm 2022, Ban kiểm soát đã phối hợp cùng với HĐQT và Ban điều hành Công ty trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh tại Công ty và các Công ty thành viên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT & Ban điều hành Công ty đã hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ công việc theo chức năng và nhiệm vụ của BKS; Cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu và thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; Tạo điều kiện cho BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

Các cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Văn Hùng	01	1/4	1/1	Chấm dứt nhiệm kỳ 2017 - 2022 từ ngày 21.04.2022
2	Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	01	1/4	1/1	Chấm dứt nhiệm kỳ 2017 - 2022 từ ngày 21.04.2022
3	Bà Phan Phương Tuyền	04	4/4	4/4	
4	Ông Võ Thành Đồng	03	3/4	3/4	Bắt đầu nhiệm kỳ 2022 - 2027 từ ngày 21.04.2022
5	Ông Nguyễn Hải Nhật	03	3/4	3/4	Bắt đầu nhiệm kỳ 2022 - 2027 từ ngày 21.04.2022

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao (Đồng)
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	256.470.000
2	Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	206.010.000
3	Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	182.960.000
4	Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên HĐQT	44.640.000
5	Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT	44.640.000
6	Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	190.200.000
7	Tôn Thất Hưng	Thành viên HĐQT	44.640.000
8	Nguyễn Huy Diệu	Thành viên HĐQT	151.370.000
9	Chu Việt Cường	Thành viên độc lập	140.560.000
10	Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	140.560.000
11	Võ Thành Đông	Trưởng Ban kiểm soát	44.460.000
12	Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát	149.990.000
13	Nguyễn Hải Nhật	Thành viên Ban kiểm soát	35.710.000
14	Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên Ban kiểm soát	114.280.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

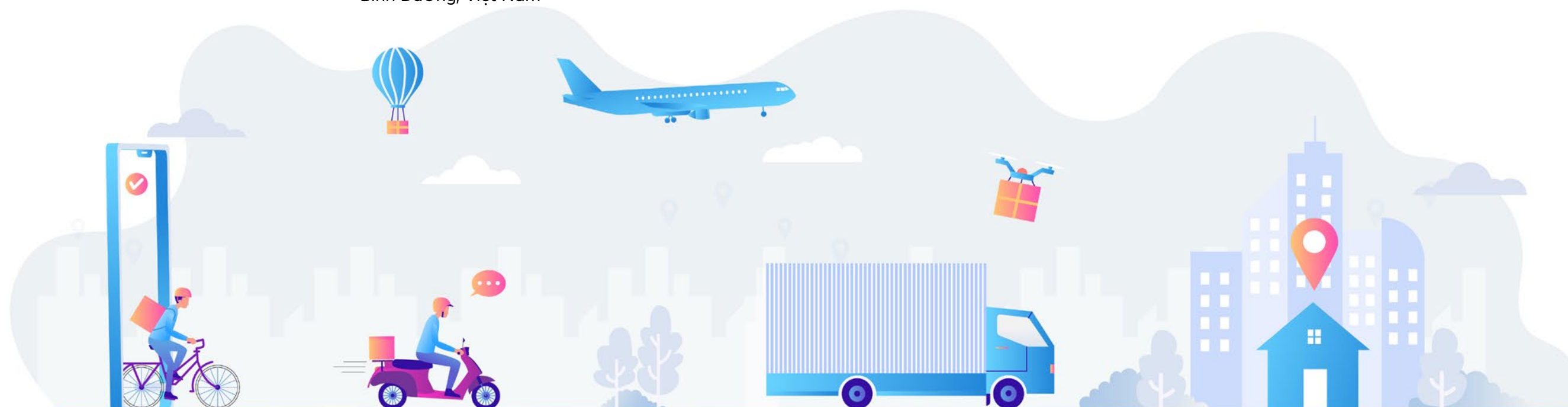
Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ	
Công ty CP Transimex		15.079.152	57,15%	18.094.981	57,08%	Mua, được chi cổ tức bằng cổ phiếu
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)		2.376.000	10,89%	3.447.360	10,87%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu.
Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics)		787.500	3,13%	992.250	3,13%	Như trên
Bùi Tuấn Ngọc	Người đại diện pháp luật của CTCP Transimex	19.320	0,06%	49.584	0,16%	Mua, được chia cổ tức bằng cổ phiếu.
Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	16.800	0,06%	30.160	0,10%	Như trên
Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	244.108	0,93%	292.929	0,92%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu
Nguyễn Huy Diệu	Tổng Giám đốc	18.453	0,07%	22.143	0,07%	Như trên
Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng giám đốc	16.852	0,06%	20.222	0,06%	Như trên
Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc	472	0.002%	566	0,002%	Như trên
Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	3.100	0,01%	3.720	0,01%	Như trên
Võ Thành Đông	Trưởng BKS nhiệm kỳ 2022 – 2027	6.680	0,03%	8.016	0,03%	Như trên
Lê Quang Huy	Thư ký	5.250	0,02%	6.300	0,02%	Như trên
Phan Phương Tuyền	Thành viên BKS	16.474	0,06%	15.208	0,04%	Bán, được chia cổ tức bằng cổ phiếu
Lê Thị Ngọc Anh	Kế toán trưởng	31.820	0,12%	32.304	0,10%	Như trên

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	0301874259	172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Chi phí xếp dỡ, bến bãi, sửa chữa container, phí dịch vụ, chi phí cước vận chuyển, giao nhận: 633.847.097 đồng Doanh thu phí dịch vụ, cước: 175.039.676 đồng Doanh thu cước: 1.778.691.751 đồng
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông lớn	0300648264	406 Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. HCM	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Phí dịch vụ, 55.989,787 đồng Doanh thu cước: 806.075 đồng Doanh thu phí dịch vụ: 2.993.388 đồng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết	0400426836	Số 184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	Công ty liên kết	0101352858	Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020
Công ty Cổ phần Cảng Mipex	Công ty liên kết	0201641148	Bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Góp vốn: 96.638.772.500 đồng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết	0900989442	Tổ dân phố Bưởi, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Chi phí lưu kho, phí dịch vụ: 1.733.665.652 đồng

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc	Công ty liên kết	0301114447	Một phần Lô I.9, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. HCM	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Góp vốn: 8.000.000.000 đồng
Công ty Transimex Logistics	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex	0307821849	429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu Phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Chi phí cước vận chuyển: 3.038.119.047 đồng Chi phí nâng hạ và chi phí khác: 124.093.665 đồng
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex	0312967522	Lô BT, Đường D2, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Chi phí xếp dỡ, bến bãi, sửa chữa container: 3.444.062.873 đồng
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Transimex	3702120783	Đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Trong năm 2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 Nghị quyết HĐQT số 13-20/NQ-HĐQT ngày 23/10/2020	Chi phí lưu kho: 2.062.270.970 đồng



Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Vinafreight luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và nội quy công ty về quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Đồng thời, HĐQT cũng rất quan tâm đến các chương trình tập huấn để nâng cao

hiệu quả quản trị do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành, điều chỉnh theo qui định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Năm 2022, Công ty tiếp tục sửa đổi cho phù hợp với qui định pháp luật mới như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC,...





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính



Công ty Cổ phần Vinafreight

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinafreight ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 1 năm 2002 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất là lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch	
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Chu Việt Cường	Thành viên độc lập	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Đông	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Huy Diệu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Huy Diệu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Vinafreight

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafreight ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Huy Diệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12817062/66674168-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vinafreight

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vinafreight ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1



Ngô Trần Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5629-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		460.087.072.625	1.057.398.315.002
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	167.363.201.484	281.595.551.117
111	1. Tiền		150.863.201.484	169.095.551.117
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.500.000.000	112.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	113.752.700.000	27.852.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		113.752.700.000	27.852.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		175.199.675.826	743.364.474.886
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	88.328.551.885	506.452.885.395
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		22.411.161.336	1.437.647.847
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	69.070.577.340	238.371.200.542
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(4.610.614.735)	(2.897.258.898)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.771.495.315	4.586.288.999
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		602.786.273	799.033.785
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	10	3.168.709.042	3.787.255.214
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		367.527.783.925	313.276.873.519
210	I. Phải thu dài hạn		3.423.698.400	5.681.018.980
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.423.698.400	5.681.018.980
220	II. Tài sản cố định		5.847.183.450	2.675.752.803
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	5.847.183.450	2.675.752.803
222	Nguyên giá		17.235.489.545	15.023.981.067
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.388.306.095)	(12.348.228.264)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		2.639.072.679	2.639.072.679
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.639.072.679)	(2.639.072.679)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	357.526.730.795	304.413.885.683
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		344.986.295.468	276.002.750.356
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.540.435.327	11.540.435.327
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	16.870.700.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		730.171.280	506.216.053
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		730.171.280	506.216.053
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		827.614.856.550	1.370.675.188.521

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		225.866.171.199	764.751.245.057
310	I. Nợ ngắn hạn		219.488.529.305	758.551.290.883
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	30.344.346.988	298.841.717.497
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		683.403.208	1.504.124.411
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	12.910.462.787	14.871.409.438
314	4. Phải trả người lao động		12.131.708.852	11.105.232.439
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	3.792.838.557	5.731.423.574
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		67.913.640	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12	139.715.505.993	175.091.540.529
320	8. Vay ngắn hạn	13	4.627.808.374	232.891.878.545
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	15.214.540.906	18.513.964.450
330	II. Nợ dài hạn		6.377.641.894	6.199.954.174
337	1. Phải trả dài hạn khác	12	6.377.641.894	6.199.954.174
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		601.748.685.351	605.923.943.464
410	I. Vốn chủ sở hữu		601.748.685.351	605.923.943.464
411	1. Vốn cổ phần	15	317.158.800.000	264.022.010.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		317.158.800.000	264.022.010.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	15	30.146.050.000	30.048.650.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	15	(155.000.000)	(155.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	15	13.925.977.872	11.925.977.872
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15	227.888.259.351	281.706.179.684
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		207.357.672.813	204.395.839.838
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		20.530.586.538	77.310.339.846
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	16	12.784.598.128	18.376.125.908
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		827.614.856.550	1.370.675.188.521

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Diệu
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.1	2.109.837.472.615	4.904.141.907.513
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(8.171.830.186)	(8.264.166.808)
10	3. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	17.1	2.101.665.642.429	4.895.877.740.705
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	18	(1.993.288.874.285)	(4.700.723.864.847)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		108.376.768.144	195.153.875.858
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	38.978.293.142	38.231.886.345
22	7. Chi phí tài chính	20	(21.211.822.155)	(15.101.064.265)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.738.498.960)	(4.354.606.083)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(32.693.727.388)	(24.524.668.840)
25	9. Chi phí bán hàng	19	(28.208.793.107)	(53.253.261.848)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(25.964.616.752)	(22.203.533.620)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		39.276.101.884	118.303.233.630
31	12. Thu nhập khác		705.403.542	70.630.940
32	13. Chi phí khác		(11.495.782)	(96.619.011)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác		693.907.760	(25.988.071)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.970.009.644	118.277.245.559
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(13.968.080.801)	(29.081.549.212)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.001.928.843	89.195.696.347
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		20.530.586.538	77.310.339.846
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.471.342.305	11.885.356.501
70	20. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	15.5	648	2.618
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.5	648	2.618

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Diệu
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.970.009.644	118.277.245.559
02	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8	776.559.353	601.353.274
03	Dự phòng		1.713.355.837	52.170.125
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.948.196.596	(3.993.959.890)
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		14.633.790.513	12.788.452.160
06	Chi phí lãi vay	20	2.738.498.960	4.354.606.083
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		62.780.410.903	132.079.867.311
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		570.527.204.501	(356.492.353.251)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(315.829.800.938)	87.548.027.740
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(27.707.715)	339.710.417
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.738.498.960)	(4.354.606.083)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(13.726.444.866)	(22.866.625.351)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(9.804.660.000)	(2.037.874.687)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		291.180.502.925	(165.783.853.904)
21	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.947.990.000)	(1.409.698.182)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		634.990.741	59.090.909
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(86.452.000.000)	(21.685.700.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		17.262.000.000	1.152.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(104.638.772.500)	(13.854.500.000)
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		19.684.875.027	12.115.590.557
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(157.456.896.732)	(23.623.216.716)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Nhận vốn góp của chủ sở hữu Tiền thu từ đi vay Tiền chi trả nợ gốc vay Cổ tức đã trả	15.1	582.400.000	167.384.300.000
33		13	784.740.582.571	1.822.555.105.140
34		13	(1.013.004.652.742)	(1.712.937.320.252)
36			(20.133.350.500)	(2.200.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(247.815.020.671)	274.802.084.888
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(114.091.414.478)	85.395.014.268
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		281.595.551.117	196.785.865.268
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(140.935.155)	(585.328.419)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	167.363.201.484	281.595.551.117


Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập


Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Diệu
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinafreight ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 1 năm 2002 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất là lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 230 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 237).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty bao gồm ba công ty con được thành lập và đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và năm công ty liên kết. Trong đó, chi tiết các công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế	Dịch vụ vận tải hàng hóa	90,00%	90,00%
(3) Công ty TNHH Logistics Xuê Hàng Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	51,00%	-
(4) Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (*)	Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay	45,90%	45,90%

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt là hơn 50%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Xác khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch..

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Tiền mặt	733.651.191	1.159.611.498
Tiền gửi ngân hàng	150.129.550.293	167.935.939.619
Các khoản tương đương tiền (*)	16.500.000.000	112.500.000.000
TỔNG CỘNG	167.363.201.484	281.595.551.117

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,6% đến 6,0%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

5.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Tiền gửi ngân hàng (*)	98.882.000.000	27.852.000.000
Trái phiếu (**)	14.870.700.000	-
TỔNG CỘNG	113.752.700.000	27.852.000.000

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ sáu (6) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 8,3%/năm.

(**) Số cuối năm thể hiện giá trị của 148.707 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu và hưởng lãi suất 7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 29 tháng 1 năm 2023.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	344.986.295.468	276.002.750.356
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	11.540.435.327	11.540.435.327
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (iii)	1.000.000.000	16.870.700.000
TỔNG CỘNG	357.526.730.795	304.413.885.683

Công ty Cổ phần Vinafreight

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết	Lĩnh vực	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Vốn đầu tư	% sở hữu	Vốn đầu tư	% sở hữu
			VND		VND	
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	Đang hoạt động	200.168.145.795	21,06	136.074.864.222	20,00
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Dịch vụ vận tải hàng hóa	Đang hoạt động	63.729.148.606	24,78	69.366.500.920	24,78
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ logistic	Đang hoạt động	52.519.172.213	25,00	50.331.756.809	25,00
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Dịch vụ vận tải hàng hóa	Đang hoạt động	16.569.828.854	27,89	16.229.628.405	27,89
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	Đang hoạt động	12.000.000.000	20,00	4.000.000.000	20,00
TỔNG CỘNG			344.986.295.468		276.002.750.356	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết tăng giảm khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày như sau:

	VND	
Giá trị đầu tư:		
Số đầu năm	287.329.248.076	
Tăng trong năm	104.638.772.500	
Số cuối năm	391.968.020.576	
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư các công ty liên kết:		
Số đầu năm	(11.326.497.720)	
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư các công ty liên kết	(32.693.727.388)	
Cổ tức được chia	(2.961.500.000)	
Số cuối năm	(46.981.725.108)	
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	276.002.750.356	
Số cuối năm	344.986.295.468	

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
Tên công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật	4.917.335.327	4.917.335.327
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	4.246.950.000	4.246.950.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	1.650.000.000	1.650.000.000
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vi Na Vinatrans	726.150.000	726.150.000
TỔNG CỘNG	11.540.435.327	11.540.435.327

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là giá trị của 10.000 trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, hưởng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu + 0,7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 11 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	18.651.324.009	19.266.253.346
Công ty TNHH Pacific Airlift Việt Nam	11.884.031.478	-
Pan Continental Shipping Co., Ltd	9.088.875.032	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL Việt Nam	-	59.120.669.216
Các khách hàng khác	48.704.321.366	428.065.962.833
TỔNG CỘNG	88.328.551.885	506.452.885.395
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.610.614.735)	(2.897.258.898)
GIÁ TRỊ THUẦN	83.717.937.150	503.555.626.497
Trong đó:		
Phải thu từ bên khác	83.716.653.030	502.930.991.184
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)	1.284.120	624.635.313

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
		VND
Số đầu năm	2.897.258.898	2.845.088.773
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.768.355.837	124.380.511
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(55.000.000)	(72.210.386)
Số cuối năm	4.610.614.735	2.897.258.898

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn	69.070.577.340	238.371.200.542
Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng (*)	42.450.263.213	190.877.750.814
Ký quỹ	3.509.043.880	3.395.900.000
Tạm ứng nhân viên	1.355.781.078	1.326.311.615
Các khoản phải thu khác	21.755.489.169	42.771.238.113
Dài hạn	3.423.698.400	5.681.018.980
Ký quỹ	3.423.698.400	5.681.018.980
TỔNG CỘNG	72.494.275.740	244.052.219.522

(*) Đây là các khoản tiền ký quỹ tại ngân hàng để bảo lãnh thanh toán theo yêu cầu của các hãng hàng không cho dịch vụ vận chuyển quốc tế và đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 13).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.632.973.150	9.775.780.047	2.615.227.870	15.023.981.067
Mua trong năm	3.826.490.000	-	121.500.000	3.947.990.000
Thanh lý	-	(1.736.481.522)	-	(1.736.481.522)
Số cuối năm	6.459.463.150	8.039.298.525	2.736.727.870	17.235.489.545
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	2.632.973.150	4.225.064.636	2.612.003.612	9.470.041.398
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(2.632.973.150)	(7.119.778.632)	(2.595.476.482)	(12.348.228.264)
Khấu hao trong năm	(191.324.502)	(561.433.463)	(23.801.388)	(776.559.353)
Thanh lý	-	1.736.481.522	-	1.736.481.522
Số cuối năm	(2.824.297.652)	(5.944.730.573)	(2.619.277.870)	(11.388.306.095)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	2.656.001.415	19.751.388	2.675.752.803
Số cuối năm	3.635.165.498	2.094.567.952	117.450.000	5.847.183.450

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Ethiopian Airlines	6.323.913.297	-	
Etihad Airways	-	193.061.537.301	
Các bên khác	24.020.433.691	105.780.180.196	
TỔNG CỘNG	30.344.346.988	298.841.717.497	
<i>Trong đó:</i>			
Phải trả cho các bên khác	30.107.839.980	297.365.046.647	
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	236.507.008	1.476.670.850	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	VND Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.787.255.214	10.781.289.279	(11.399.835.451)	3.168.709.042
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.188.793.028	13.968.080.801	(13.726.444.866)	11.430.428.963
Thuế thu nhập cá nhân	1.968.102.172	10.664.647.939	(11.388.241.026)	1.244.509.085
Thuế giá trị gia tăng	319.449.822	18.322.984.642	(18.439.971.892)	202.462.572
Khác	1.395.064.416	19.489.938.339	(20.851.940.588)	33.062.167
TỔNG CỘNG	14.871.409.438	62.445.651.721	(64.406.598.372)	12.910.462.787

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Chi phí làm hàng	2.971.723.187	4.365.108.358	
Thưởng năng suất	805.000.000	755.000.000	
Khác	16.115.370	611.315.216	
TỔNG CỘNG	3.792.838.557	5.731.423.574	

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Ngắn hạn	139.715.505.993	175.091.540.529	
Thu hộ hãng tàu	107.650.784.662	129.640.753.449	
Thu hộ từ bán vé máy bay và cước vận chuyển quốc tế	17.800.000.000	17.800.000.000	
Phí hoa hồng	670.526.450	18.785.282.772	
Nhận ký quỹ	6.294.348.073	4.581.130.513	
Cổ tức phải trả	4.000.000.000	-	
Khác	3.299.846.808	4.284.373.795	
Dài hạn	6.377.641.894	6.199.954.174	
Nhận ký quỹ	6.377.641.894	6.199.954.174	
TỔNG CỘNG	146.093.147.887	181.291.494.703	
<i>Trong đó:</i>			
Phải trả cho bên khác	142.093.147.887	181.291.494.703	
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	4.000.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	232.891.878.545	784.740.582.571	(1.013.004.652.742)	4.627.808.374

Nhóm Công ty vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động.
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		(%/năm)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	4.627.808.374	Ngày 24 tháng 2 năm 2023	4,8

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Sử dụng trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	11.858.967.566	2.106.344.317	(4.857.450.000)	9.107.861.883
Quỹ phúc lợi	6.100.453.195	1.960.070.406	(2.938.200.000)	5.122.323.601
Quỹ hoạt động và quỹ khen thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	554.543.689	2.438.821.733	(2.009.010.000)	984.355.422
TỔNG CỘNG	18.513.964.450	6.505.236.456	(9.804.660.000)	15.214.540.906

Công ty Cổ phần Vinafreight

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	83.922.500.000	30.199.350.000	(155.000.000)	10.925.977.872	223.053.814.624	347.946.642.496
Phát hành cổ phiếu mới	167.535.000.000	(150.700.000)	-	-	-	167.384.300.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	77.310.339.846	77.310.339.846
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.000.000.000	(5.874.600.000)	(4.874.600.000)
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	12.564.510.000	-	-	-	(12.564.510.000)	-
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	(218.864.786)	(218.864.786)
Số cuối năm	264.022.010.000	30.048.650.000	(155.000.000)	11.925.977.872	281.706.179.684	587.547.817.556
Năm nay						
Số đầu năm	264.022.010.000	30.048.650.000	(155.000.000)	11.925.977.872	281.706.179.684	587.547.817.556
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	20.530.586.538	20.530.586.538
Phát hành cổ phiếu mới (**)	364.000.000	218.400.000	-	-	-	582.400.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.000.000.000	(8.382.366.371)	(6.382.366.371)
Cổ tức công bố (*)	52.772.790.000	(121.000.000)	-	-	(65.966.140.500)	(13.193.350.500)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(121.000.000)
Số cuối năm	317.158.800.000	30.146.050.000	(155.000.000)	13.925.977.872	227.888.259.351	588.964.087.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Vào ngày 15 tháng 7 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với số tiền là 13.193.350.500 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, và theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan.
- Vào ngày 16 tháng 9 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 5.277.279 cổ phiếu phổ thông để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, và theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty đã tăng từ 264.022.010.000 VND lên 316.794.800.000 VND. Vào ngày 16 tháng 9 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 16, phản ánh việc tăng vốn cổ phần này của Công ty.
- (**) Vào ngày 27 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 36.400 cổ phiếu phổ thông cho người lao động theo chương trình ESOP với giá phát hành là 16.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, và theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty đã tăng từ 316.794.800.000 VND lên 317.158.800.000 VND. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 17, phản ánh việc tăng vốn cổ phần này của Công ty.

15.2 Vốn cổ phần

	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp			Vốn điều lệ đã góp
	Số lượng cổ phần	(VND)	% sở hữu	
Cổ đông				VND
Công ty Cổ phần Transimex	18.094.982	180.949.820.000	57,05	180.949.820.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển bất động sản Conasi	4.158.944	41.589.440.000	13,11	41.589.440.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	3.447.360	34.473.600.000	10,87	34.473.600.000
Cổ phiếu quỹ	15.500	155.000.000	0,05	155.000.000
Các cổ đông khác	5.999.094	59.990.940.000	18,92	59.990.940.000
TỔNG CỘNG	31.715.880	317.158.800.000	100,00	317.158.800.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	264.022.010.000	83.922.500.000
Tăng trong năm	53.136.790.000	180.099.510.000
Số cuối năm	317.158.800.000	264.022.010.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong năm	65.966.140.500	12.564.510.000
Cổ tức trả bằng tiền mặt	13.193.350.500	-
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	52.772.790.000	12.564.510.000
Cổ tức đã trả trong năm	65.966.140.500	12.564.510.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.4 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	31.715.880	26.402.201
Cổ phiếu đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	31.715.880	26.402.201
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(15.500)	(15.500)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	31.700.380	26.386.701

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15.5 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Thu nhập và số cổ phiếu được sử dụng để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	20.530.586.538	77.310.339.846
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(4.505.236.456)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	20.530.586.538	72.805.103.390
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	31.664.379	27.808.380
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	648	2.618
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	648	2.618

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm nay.

(**) Tổng số cổ phiếu bình quân trong năm trước được điều chỉnh do việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 16 tháng 9 năm 2022.

Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.376.125.908	7.233.569.407
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	5.471.342.305	11.885.356.501
Vốn điều lệ đã góp trong năm	-	558.600.000
Chia cổ tức	(10.940.000.000)	(1.200.000.000)
Giảm khác	(122.870.085)	(101.400.000)
Số cuối năm	12.784.598.128	18.376.125.908

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.109.837.472.615	4.904.141.907.513
Doanh thu cước vận tải quốc tế	1.705.493.565.497	4.655.255.409.000
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng	200.621.880.989	191.713.032.919
Doanh thu bán vé máy bay	158.365.894.149	10.158.188.473
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	45.356.131.980	47.015.277.121
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.171.830.186)	(8.264.166.808)
Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần	2.101.665.642.429	4.895.877.740.705
Trong đó:		
Doanh thu từ cước vận tải quốc tế	1.703.516.517.785	4.650.781.005.823
Doanh thu từ dịch vụ giao nhận hàng	200.621.880.989	191.713.032.919
Doanh thu bán vé máy bay	152.210.282.087	6.454.493.879
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	45.316.961.568	46.929.208.084

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.553.347.008	25.917.177.946
Lãi tiền gửi	11.512.296.467	9.249.649.839
Cổ tức	5.912.649.667	2.646.340.718
Khác	-	418.717.842
TỔNG CỘNG	38.978.293.142	38.231.886.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cước vận tải	1.778.266.855.787	4.502.502.476.430
Phí làm hàng	109.756.991.178	105.926.954.395
Chi phí nhân công	43.895.441.158	42.986.649.986
Thuê văn phòng	28.193.451.866	25.913.431.586
Chi phí khác	33.176.134.296	23.394.352.450
TỔNG CỘNG	1.993.288.874.285	4.700.723.864.847

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	28.208.793.107	53.253.261.848
Chi phí hoa hồng	28.208.793.107	53.253.261.848
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.964.616.752	22.203.533.620
Chi phí nhân công	14.192.077.306	13.369.450.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.989.820.539	3.007.265.161
Dự phòng phải thu khó đòi	1.713.355.837	52.170.125
Khấu hao và hao mòn	339.405.947	306.890.186
Chi phí khác	5.729.957.123	5.467.757.665
TỔNG CỘNG	54.173.409.859	75.456.795.468

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.473.323.195	10.746.458.182
Chi phí lãi vay	2.738.498.960	4.354.606.083
TỔNG CỘNG	21.211.822.155	15.101.064.265

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.954.315.087.214	4.693.079.786.109
Chi phí nhân viên	58.087.518.464	56.356.100.469
Khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8)	776.559.353	601.353.274
Chi phí khác	34.283.119.113	26.143.420.463
TỔNG CỘNG	2.047.462.284.144	4.776.180.660.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.968.080.801	29.060.553.333
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	20.995.879
TỔNG CỘNG	13.968.080.801	29.081.549.212

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.970.009.644	118.277.245.559
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	7.994.001.929	23.655.449.112
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	4.951.390.989	7.108.853.768
Chi phí không được trừ	2.182.202.205	618.271.917
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu những năm trước	-	20.995.879
Các chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	-	428.855.676
Khác	23.015.611	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức	(1.182.529.933)	(2.689.268.144)
Thuế TNDN được giảm	-	(55.578.919)
Khác	-	(6.030.077)
Chi phí thuế TNDN	13.968.080.801	29.081.549.212

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt	Công ty con
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cảng Mipac	Công ty liên kết	Góp Vốn	96.638.772.500	-
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Công ty liên kết	Góp vốn Cung cấp dịch vụ	8.000.000.000 2.356.710	3.000.000.000 -
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cổ tức đã chia Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ	7.539.576.000 1.953.731.427 633.874.087	6.904.190.000 34.991.106 480.141.741
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	3.444.062.873	6.009.254.894
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	3.162.212.712	3.042.474.864
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết	Nhận cổ tức Cước vận tải Lãi trái phiếu Cung cấp dịch vụ Trái phiếu Cổ tức đã chia	2.961.500.000 2.613.746.837 1.303.325.186 123.846.900 - -	- 16.083.410.267 - 655.155.700 14.870.700.000 393.750.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	2.062.270.970	581.191.325
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Góp vốn	1.733.665.652 -	1.695.050.669 6.462.500.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đồng	Cổ tức đã chia Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ Chia sẻ lợi nhuận	1.436.400.000 55.989.787 3.799.463 -	1.368.000.000 24.368.147 6.750.000 1.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Phí dịch vụ Cung cấp dịch vụ Góp vốn Nhận cổ tức	1.427.716.879 207.466.996 - -	276.369.445 77.317.370 4.392.000.000 219.600.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Bất động sản Conasi	Công ty cùng tập đoàn	Chia cổ tức	-	1.650.370.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.284.120	8.195.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	616.440.313
			1.284.120	624.635.313
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết	Lãi trái phiếu	701.571.107	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	175.210.000	293.903.127
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	32.222.350	4.387.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	29.074.658	8.834.199
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	1.169.546.524
			236.507.008	1.476.670.850
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Cổ tức	4.000.000.000	-
Lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:				
			Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT		820.000.000	780.000.000
Ông Nguyễn Huy Diệu	Tổng Giám đốc		760.000.000	720.000.000
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc		640.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc		120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG			2.340.000.000	2.220.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thủ lao của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	256.470.000	115.690.508
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	206.010.000	81.842.672
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	190.200.000	81.842.672
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	182.960.000	-
Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên HĐQT	44.640.000	-
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT	44.640.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên HĐQT	44.640.000	-
Ông Nguyễn Huy Diệu (hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022)	Thành viên HĐQT	151.370.000	81.842.672
Ông Chu Việt Cường (hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022)	Thành viên độc lập	140.560.000	81.842.672
Ông Nguyễn Anh Minh (hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022)	Thành viên HĐQT	140.560.000	81.842.672
Ông Võ Thành Đông	Trưởng ban	44.640.000	-
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên BKS	149.990.000	65.470.538
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS	35.710.000	-
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi (hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022)	Thành viên BKS	114.280.000	65.470.538
TỔNG CỘNG		1.746.670.000	655.844.944

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

24.1 Thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm		27.364.693.022	23.211.944.921
Từ 1 - 5 năm		78.007.644.948	73.568.041.200
Trên 5 năm		33.243.393.750	48.135.496.500
TỔNG CỘNG		138.615.731.720	144.915.482.621

24.2 Cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền cho thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm		30.373.788.174	24.408.335.412
Từ 1 - 5 năm		39.403.928.006	41.912.284.404
TỔNG CỘNG		69.777.716.180	66.320.619.816

Công ty Cổ phần Vinafreight

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ vận tải quốc tế và nội địa, giao nhận hàng và kinh doanh kho bãi. Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VND	
	Cước vận tải quốc tế	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.705.499.536.175	2.101.665.642.429
Kết quả hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận Chi phí không phân bổ	88.221.050.947	108.376.768.144 (68.406.758.500)
Lợi nhuận thuần trước thuế		39.970.009.644 (13.968.080.801)
Chi phí thuế TNDN		26.001.928.843 (5.471.342.305)
Lợi nhuận sau thuế		20.530.586.538
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022		
Tài sản và công nợ		
Tài sản bộ phận	140.861.176.094	190.159.140.606
Tài sản không phân bổ		637.455.715.944
Tổng tài sản		827.614.856.550
Công nợ bộ phận	120.362.619.975	179.231.816.760
Công nợ không phân bổ		46.634.354.439
Tổng công nợ		225.866.171.199

25. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Cước vận tải quốc tế	Dịch vụ giao nhận hàng	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
					VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.652.176.301.364	191.713.032.919	53.383.701.963	(1.395.295.541)	4.895.877.740.705
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận Chi phí không phân bổ	167.078.421.581	6.829.737.749	21.245.716.528	-	195.153.875.858 (76.876.630.299)
Lợi nhuận thuần trước thuế					118.277.245.559 (29.081.549.212)
Chi phí thuế TNDN					89.195.696.347 (11.885.356.501)
Lợi nhuận sau thuế					77.310.339.846
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát					
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	697.579.423.770	45.750.710.910	10.828.135.927	(128.278.968)	754.029.991.639 616.645.196.882
Tài sản không phân bổ					1.370.675.188.521
Tổng tài sản					714.060.684.556 50.690.560.501
Công nợ bộ phận	638.621.706.758	64.910.562.974	10.656.693.792	(128.278.968)	764.751.245.057
Công nợ không phân bổ					
Tổng công nợ					

Công ty Cổ phần Vinafreight

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Diệu
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2023





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

